

QUYỀN LỰC MỀM CỦA BẮC KINH QUA CÔNG CỤ KHÔNG TỬ

Nguyễn Cao Quyền

Năm nay (2013), Lý Khắc Cường, thủ tướng CSTQ, trong cuộc viếng thăm vừa qua đã thuyết phục được Nguyễn Tấn Dũng, thủ tướng CSVN, chấp nhận cho ra đời một “Viện Khổng Tử” trên đất nước này. Tin ấy đã làm xôn xao dư luận quần chúng trong đó có cả một số trí thức, cho rằng đây là dấu hiệu đầu hàng trước sự xâm lược của phương Bắc. Thật ra tin này không có gì đáng thất mắ, và lời tuyên bố của Nguyễn Tấn Dũng cũng không có gì mới lạ. Vào tháng 6 năm 2004, với số tiền 500 triệu Mỹ Kim, Trung Quốc đã thành lập trên 100 quốc gia khoảng 400 Viện Khổng Tử. Việt Nam, từ năm 2009 cũng đã có công văn cho phép thành lập một Viện Khổng Tử như Trung Quốc yêu cầu, nhưng từ đó tới nay vẫn chưa làm gì cả. Cho nên Lý Khắc Cường đã nhắc khéo Nguyễn Tấn Dũng và Dũng đã phải ngoan ngoãn nghe lời. Câu chuyện liên quan đến Khổng Tử giữa Trung Cộng và Việt Cộng chỉ đơn giản có thể thôi, nhưng nếu muốn tìm hiểu rộng thêm, nghĩa là giữa Trung Cộng và thế giới, thì phải nói dài dòng hơn đôi chút. Xin mời quý độc giả theo dõi những đoạn viết tiếp theo.

Tại Việt Nam, các Viện Khổng Tử có từ bao giờ?

Để trả lời câu hỏi nói trên chúng ta phải xem lại những trang sử Trung Hoa thời cổ đại. Thời đó, trong xã hội Trung Hoa, “Nho” là một danh hiệu để chỉ những người có học thức, biết lễ nghi. Nho giáo là hệ thống giáo lý của nhà Nho nhằm mục đích tổ chức xã hội sao cho có hiệu quả. Những cơ sở của Nho giáo được hình thành từ thời Tây Chu, đặc biệt với sự đóng góp của Chu Công Đán. Chu Công Đán là con thứ hai của Chu Văn Vương, là cố vấn văn hóa và chính trị của nhà Chu. Khi Chu Võ Vương lên kế nghiệp cha, thì đã đem nước Lỗ cấp cho em là Chu Công Đán. Vì vậy, nước Lỗ, quê hương của Khổng Tử, chính là nơi mà Chu Công đã trị vì, và Chu Công là thần tượng mà Khổng Tử suốt đời sung bái. Nho giáo, dưới dạng Hán Nho đã được các quan lại Trung Hoa như Tích Quang, Nhâm Diên, Sĩ Nhiếp, đưa vào Việt Nam từ đầu Công Nguyên. Tuy nhiên, có thể nói rằng, trong suốt giai đoạn chống Bắc thuộc, Nho giáo chưa có chỗ đứng trong xã hội Việt Nam.



Đến năm 1070, với sự kiện nhà Lý cho lập Văn Miếu ở kinh đô Thăng Long thờ Chu Công và Khổng Tử, thì lúc đó mới có thể xem Nho giáo như đã được chính thức tiếp nhận ở nước ta. Chính vì vậy mà Nho Giáo ở Việt Nam là Tống Nho (thời nhà Lý trùng hợp với thời nhà Tống bên Tàu) chứ không phải Hán Nho, Đường Nho, Minh Nho hoặc Thanh Nho. Văn Miếu là miếu thờ Văn, cũng như Chùa đối với Phật giáo, Nhà Thờ đối với Thiên Chúa giáo. Ngoài Văn Miếu ở Hà Nội, còn có Văn Miếu ở Huế gọi là Văn Thánh, và Văn Miếu ở nhiều tỉnh khác, chẳng hạn như Văn Miếu Mao Điền (Hải Dương), Văn Miếu Quảng Nam (ở huyện Điện Bàn). Một số địa phương cũng xây miếu thờ Khổng Tử, gọi là Khổng Miếu, và một số thôn xã thì lập ra các Văn Từ, Văn Chỉ.

Xem như vậy thì đối với đất nước Việt Nam, Nho giáo đã có một ảnh hưởng bao trùm kéo dài suốt bao nhiêu thế kỷ. Đến thời kỳ Minh Trị Thiên Hoàng, khi nước Nhật đã dần dần Tây phương hóa và trở thành một quốc gia hiện đại thì vua quan ta vẫn tiếp tục trân quý cái giáo lý chật hẹp này. Thật ra Nho giáo, với nguồn gốc xây dựng trên Nhân, Nghĩa, Lễ, Trí, Tín chỉ có thể giữ an ninh và ổn định cho những mảnh đất nhỏ hẹp như làng, xã chứ không thể nào áp dụng để phát triển một đất nước. Vì không sớm tỉnh ngộ nên dân tộc ta đã bao phen phải chịu đựng cảnh nước mất nhà tan, để muôn đời ôm chặt lấy cái số phận lạc hậu hủ hèn kém. Nếu phải xây thêm một Viện Khổng Tử hôm nay, thì phải coi đó như một biểu tượng nô lệ, một cái gai trong mắt cần nhanh chóng nhổ đi để xóa sạch trên đất nước mọi di tích có thể ảnh hưởng đến tinh thần độc lập của dân tộc.

Ở Mỹ hiện nay có trên 70 Viện Khổng Tử, ở Anh có 20 viện, ở Úc, Đức, Pháp Nhật, Nga, Hàn Quốc, Thái Lan, mỗi nước có trên 10 viện. Nếu tính về số lượng thì các Viện Khổng Tử ngày nay đã gần ngang ngửa với các Alliances Francaises của Pháp, British Council của Anh, Instituto Cervantes của Tây Ban Nha, Goethe Institut của Đức, cộng lại. Các quốc gia này không lạ gì bản chất tuyên truyền và các hoạt động gián điệp ngầm của các Viện Khổng Tử nói trên nhưng họ phải tôn trọng một luật lệ ngoại giao là nguyên tắc “hỗ tương đối xử”.

Còn đối với Việt Nam thì dù có muốn sử dụng nguyên tắc này, cũng không có đủ điều kiện để làm được như vậy. Sự thua thiệt trở thành tuyệt đối.

Khổng Giáo Trở Thành Công Cụ Chính Trị Cho Từng Thời Kỳ Trong Lịch Sử Trung Hoa

Theo cổ sử Trung Quốc, Khổng Tử đã dành hết cả cuộc đời để đào tạo môn đệ và nghệ thuật trị nước, an dân. Mãi cho đến khi Tần Thủy Hoàng thống nhất lãnh thổ vào năm 221 trước Công Nguyên, học thuyết của ông mới được tập hợp để làm nền tảng cho ý thức hệ của trật tự xã hội mới. Từ đó cho đến thế kỷ 20 hình tượng Khổng Tử được đánh đồng với đế chế Trung Hoa và đó là điều mà người Tây Phương nào cũng cảm thấy. Trong khi đó thì tại Hoa Lục biểu tượng này chỉ là một công cụ chính trị được đem ra sử dụng có mục đích tùy theo từng thời kỳ, từng giai đoạn.

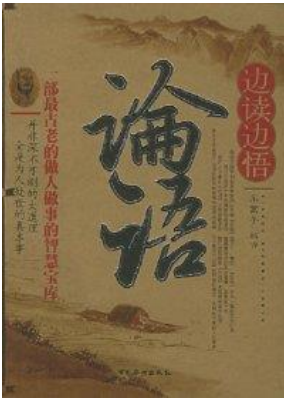


Rõ rệt nhất là hình tượng Khổng Tử đã bị hủy diệt trong giai đoạn 1860-1970. Lý do là kể từ sau Chiến Tranh Nha Phiến lần thứ hai (1856-1860), giới tinh hoa Trung Quốc, ý thức được ưu thế của các cường quốc phương Tây, đã tiến hành cải cách chính trị theo gương của Minh Trị Thiên Hoàng tại Nhật Bản (1898), nhưng thất bại. Tiếp đến, vào đầu thế kỷ 20 việc hủy bỏ chế độ thi cử theo kiểu Nho giáo đánh dấu bước khởi đầu cho việc “hiện đại hóa” theo kiểu Trung Quốc. Vào năm 1912, Thanh triều và toàn bộ chế độ quân chủ đã sụp đổ hoàn toàn, để nhường chỗ cho nền cộng hòa đầu tiên do Tôn Dật Tiên lãnh đạo. Về mặt biểu tượng, những sinh viên trí thức trong Phong Trào Ngũ Tứ (4/5/1919) nghĩ rằng thuật ngữ “hiện đại hóa” chỉ có thể định nghĩa theo ngôn từ khoa học và dân chủ của Tây phương. Hiện đại hóa đòi hỏi phải hạ bệ Khổng Tử vì chính ông là nguyên nhân tai hại mà đất nước Trung Quốc phải hứng chịu về sự lạc hậu vật chất và trì trệ tinh thần. Những người của Phong Trào Ngũ Tứ đã đi cùng hướng với chủ nghĩa Marx trong việc tìm kiếm một mô hình “Hiện Đại” theo kiểu Tây phương.

Rồi đến năm 1920, người ta lại thấy từ phương Tây xuất hiện một quan điểm chỉ trích Khổng Tử gay gắt nhiều hơn nữa. Đó là quan điểm của nhà xã hội học Đức Max Weber. Weber cho rằng sở dĩ chủ nghĩa tư bản chưa thể thiết lập được tại Trung Quốc là vì yếu tố gây cản trở nhiều nhất là Nho giáo chưa được gỡ bỏ. Do đó việc loại bỏ dứt khoát gánh nặng vô ích này là điều kiện tiên quyết để tiến đến mô hình xã hội hiện đại của Tây phương.

Sau thế hệ 1919, giai đoạn tiếp theo là thời kỳ Mao Trạch Đông lên nắm chính quyền vào năm 1949. Từ những nơi lưu vong, người Trung Quốc yêu nước, yêu tự do đã lo âu, đổ dồn con mắt theo dõi sự tàn phá đất nước của họ Mao, mà đỉnh điểm đạt tới là Bước Nhảy Vọt Vĩ Đại và Cuộc Cách Mạng Văn Hóa khởi xướng vào năm 1966. Cuộc Cách Mạng Văn Hóa này được coi như là hành động cực đoan nhất, là quyết tâm rõ nét nhất trong việc loại trừ toàn bộ tàn dư của xã hội Nho Giáo truyền thống. Thế nhưng, sau một thời kỳ Nho giáo bị hủy diệt, một xu thế ngược lại đã diễn ra trong hơn 30 năm qua tại Trung Quốc. Đúng vào lúc mà Hoa Lục bận tâm rũ bỏ tàn dư của chủ nghĩa Mao thì nhân loại được chứng kiến sự phát triển lầy lừng, theo mô hình Nhật Bản, của mấy con “tiểu long” Châu Á (Đài Loan, Hong Kong, Singapore, Hàn Quốc). Vào giữa thập kỷ 1980 xu thế đó mới bắt đầu lan tràn đến Trung Quốc và Đặng Tiểu Bình nhanh ý muốn bám vào những toa tàu của các “giá trị Á Châu” này với dụng tâm nham hiểm là sẽ trở thành đầu tàu trong tương lai.

Để thực hiện dụng tâm nói trên, năm 1984 người ta thấy xuất hiện tại Trung Quốc một tổ chức mang tên “Confucius Foundation”, do chính phủ Trung Quốc tài trợ để nghiên cứu về tư tưởng của Khổng Tử tại Trung Quốc và nước ngoài. Những điều mà trước kia Max Weber xem như những chướng ngại to lớn thì giờ đây lại trở thành những yếu tố giúp các xã hội Đông Á tránh được những vấn đề mà các xã hội Tây Phương đang vướng phải. Thật ra sự phục hưng Nho giáo không liên quan gì đến thị trường, mà chỉ nhằm bảo vệ chính danh lãnh đạo của mấy chế độ chuyên chính còn sót lại trên thế giới hiện nay như Trung Quốc, Việt Nam, Lào, Bắc Triều Tiên, Cuba. Với khuynh hướng chuyên quyền kiểu mới đó, Bắc Kinh hy vọng đã tìm thấy được một mô hình thay thế cho mô hình công nghiệp hiện đại của Tây Phương, và đang ra sức phổ biến mô hình này trên toàn thế giới như một mô hình của thời “hậu hiện đại”.



Giờ đây trên Hoa Lục, sách Luận Ngữ của Khổng Tử cũng đã trở thành một công cụ chính trị được phổ biến rầm rộ. Luận Ngữ, một trong tứ thư của thầy Khổng (Đại Học, Trung Dung, Luận Ngữ, Mạnh Tử) ghi chép lại những giáo huấn liên quan đến những điều đạo đức trong xã hội. Các trẻ nhỏ Trung Hoa, ngay từ buổi đầu đến trường, đã phải lập lại một cách máy móc các kinh điển Nho giáo, ghi trong Luận Ngữ. Bên cạnh đó, còn có những sáng kiến tư nhân qua cái gọi là “Nho giáo bình dân” được tiến hành trên hệ thống Internet, để phổ biến cả ở thành thị lẫn nông thôn.

Hiện tượng trở lại với Khổng Tử hiện nay đang được dùng để tô vẽ một ý thức hệ mới: “xã hội XHCN hài hòa”. Hiện tượng này làm người ta nhớ lại thời kỳ “cuốn sách đỏ” của Mao Trạch Đông được phổ biến. Một thời kỳ sôi động như thế, rồi cũng dễ dàng tiêu tan như mây khói. Dễ dàng tiêu tan như mây khói vì nó không mang lại một thực

chất giá trị nào cần thiết.

Một Tầm Nhìn Về Giá Trị Văn Hóa Trung Quốc

Người Trung Quốc tự cho mình thuộc một nước có hạng trên thế giới. Tuy nhiên, ý nghĩa của Trung Quốc theo cách nhìn của người khác như thế nào, đó mới là điều đáng nói và suy ngẫm. Trước hết, học thuyết của Khổng Mạnh là một học thuyết nặng về mặt đạo đức đối nhân xử thế, nhẹ về mặt chính trị. Thực chất cũng chỉ đến mức như vậy. Học thuyết Lão Trang mang màu sắc triết học, siêu thoát hơn, song cũng chỉ dừng lại ở khía cạnh văn chương chữ nghĩa. Thực chất của học thuyết Lão Trang cũng chỉ dừng ở chiều cao của nhận thức về cuộc đời, xã hội thế thôi.

Học thuyết của Hàn Phi và phe Pháp Gia, tuy có nặng về chính trị, có nhiều giá trị và ý nghĩa thực tế đấy, song cũng chưa có gì thật bao quát hoặc sâu sắc hơn. Đối với đạo Phật thì sự phát triển là chính còn mọi ý nghĩa sáng tạo hay đi xa hơn đều không mang đậm nét. Từ thời Đông Chu Liệt Quốc, đến thời Chiến Quốc, rồi thời Tam Quốc, nói chung vẫn là xã hội tranh bá đồ vương không mang ý nghĩa gì lớn rộng, cao quý hay hoàn toàn đặc sắc, cá biệt. Một dân tộc đông đảo như Trung Quốc mà lại bị các nước chư hầu nhỏ bé hơn đánh bại và cai trị dễ dàng một cách lâu dài như dưới các triều đại Kim, Mông, Mãn cho đến khi triều đình nhà Thanh sụp đổ thì cũng chẳng lấy gì làm oai phong cho lắm, để không nói là còn rất yếu kém. Tôn Văn là người anh hùng tiêu biểu cho Trung Quốc cận đại, song sự nghiệp chính trị to lớn cũng không tồn tại được bao lâu, đã bị thất thế và đi đến mai một bởi Mao Trạch Đông với một chủ nghĩa cộng sản tạt nạt lên nắm quyền thống trị. Dưới thời Mao, tư tưởng chính trị là một loại tư tưởng tạp lục, vay mượn, du nhập từ nước ngoài. Đời sống chính trị, nặng phần trình diễn, thiếu thực chất và sáng tạo.

Khía cạnh chính trị đối nội và đối ngoại của chính sách Đặng Tiểu Bình cũng không đi ra ngoài bài bản đã có sẵn, và chưa bao giờ người ta thấy một Trung Quốc thật sự xứng danh và đúng nghĩa cần phải có. Nền kinh tế, từ khi Đặng Tiểu Bình nắm quyền, tuy có phát triển, nhưng sự phát triển đó vẫn không thoát khỏi sự vá vúi, không hoàn toàn nổi nét ngoạn mục như một đất nước và dân tộc có tầm vóc về quy mô đòi hỏi. Về nhiều phương diện, Trung Quốc chưa thể qua mặt Nhật Bản, Đài Loan, Hàn Quốc, chứ chưa nói gì đến các nước phương Tây. Chính sách chính trị của Trung Quốc vẫn còn là một chính sách hòa mù đối với nhân dân và thế giới. Chính sách kinh tế vẫn loay hoay chưa tìm thấy một lối ra có hào quang được mọi nơi tín nhiệm. Tình trạng yếu kém nói trên đã ảnh hưởng và thể hiện qua giọng lưỡi non nớt, hiếu chiến, cạn hẹp của thể hệ cầm quyền hiện nay. Điều đó cũng thể hiện trong việc Trung Quốc đánh chiếm Hoàng Sa và Trường Sa của Việt Nam và tùy tiện vẽ đường lưỡi bò ở biển Đông. Tất cả những động thái chính trị này cho thấy tham vọng thường tình và thấp kém của giới lãnh đạo Bắc Kinh. Mặc dầu đã tiến đến một mức độ phát triển kinh tế khả quan nhưng Trung Quốc vẫn cư xử như một anh “nhà quê” ngớ ngẩn, chưa hoàn toàn “lột xác” để có thể tham gia vào đời sống văn minh hiện đại của toàn thể nhân loại.

Nói tóm lại, Trung Quốc, từ trước tới nay, chưa bao giờ thể hiện như một dân tộc, một đất nước đáng được nể mặt về nhiều phương diện giá trị, đối với thế giới nói chung và đối với các nước lân bang nói riêng. Cái nhược điểm bao quát nhất của Trung Quốc là như thế. Thật là không vui, khi phải nói ra sự thật phũ phàng này./.

NGUYỄN CAO QUYỀN
Tháng 11 năm 2013